

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật giá ngày 19 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;

Căn cứ Thông tư số 28/2024/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về trình tự, thủ tục kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá;

Căn cứ Thông tư số 29/2024/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và kinh phí bảo đảm cho công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 11 năm 2024; thay thế Quyết định số 55/2017/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp ban hành Quy định quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện,

thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản);
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- TT/TU;
- TT/HĐND tỉnh;
- CT và các PCT/UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Công báo tỉnh;
- LĐVP/UBND tỉnh;
- Lưu VT, NC/KT-MDung.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Trí Quang

QUY ĐỊNH

Quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 27/2024/QĐ-UBND

ngày 23 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định việc phân công cho các cơ quan chuyên môn, Ủy ban nhân dân cấp huyện để tổ chức thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh; tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động trong lĩnh vực giá trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ VỀ HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ GIÁ

Điều 3. Cơ quan tham mưu thực hiện bình ổn giá tại địa phương, phối hợp với các địa phương khác trong việc triển khai bình ổn giá

1. Sở Công Thương chủ trì, phối hợp tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân Tỉnh thực hiện nhiệm vụ bình ổn giá đối với xăng, dầu thành phẩm; khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG).

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân Tỉnh thực hiện nhiệm vụ bình ổn giá đối với thóc tẻ, gạo tẻ; phân đạm; phân DAP; phân NPK; thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản; vắc-xin phòng bệnh cho gia súc, gia cầm; thuốc bảo vệ thực vật.

3. Sở Y tế chủ trì, phối hợp tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân Tỉnh thực hiện nhiệm vụ bình ổn giá đối với thuốc thuộc danh mục thuốc thiết yếu được sử dụng tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; sữa dành cho trẻ em dưới 06 tuổi.

4. Ủy ban nhân dân cấp huyện phối hợp thực hiện nhiệm vụ bình ổn giá khi có yêu cầu của các cơ quan quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều này.

Điều 4. Tổ chức thực hiện bình ổn giá tại địa phương, phối hợp với các địa phương khác trong việc triển khai bình ổn giá

1. Cơ quan quy định tại Điều 3 Quy định này tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân Tỉnh thực hiện:

a) Tổ chức triển khai thực hiện các biện pháp bình ổn giá do Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, bộ, cơ quan ngang bộ quản lý ngành, lĩnh vực quyết định và báo cáo kết quả bình ổn giá;

b) Đối với việc bình ổn giá tại địa phương, đánh giá diễn biến thực tế và mặt bằng giá thị trường của hàng hóa, dịch vụ trên địa bàn; có văn bản gửi Sở Tài chính tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân Tỉnh xem xét, quyết định chủ trương, biện pháp, thời hạn bình ổn giá phù hợp; tổ chức triển khai thực hiện và báo cáo Ủy ban nhân dân Tỉnh kết quả bình ổn giá để báo cáo Chính phủ, gửi Bộ Tài chính.

2. Trong trường hợp cần điều chỉnh danh mục bình ổn giá:

a) Cơ quan quy định tại Điều 3 Quy định này tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân Tỉnh thực hiện trình tự, thủ tục đề nghị đưa hàng hóa, dịch vụ ra khỏi danh mục bình ổn giá;

b) Cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực đối với hàng hóa, dịch vụ hoặc được Ủy ban nhân dân Tỉnh phân công nhiệm vụ, tham mưu Ủy ban nhân dân Tỉnh thực hiện trình tự, thủ tục đề nghị bổ sung vào danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá.

Điều 5. Cơ quan chuyên môn thẩm định phương án giá đối với hàng hoá, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của Ủy ban nhân dân Tỉnh

1. Sở Giao thông vận tải chủ trì thẩm định phương án giá:

a) Giá tối đa dịch vụ sử dụng đường bộ của các dự án đầu tư xây dựng đường bộ (trừ dịch vụ sử dụng đường bộ cao tốc) để kinh doanh, do địa phương quản lý.

b) Khung giá dịch vụ sử dụng phà được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý.

c) Giá tối đa dịch vụ sử dụng phà được đầu tư từ nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý.

d) Giá tối đa dịch vụ sử dụng cảng (bao gồm cảng, bến thủy nội địa) được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý.

đ) Giá tối đa dịch vụ ra, vào bến xe ô tô.

e) Giá cụ thể dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì thẩm định phương án giá:

a) Giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước thuộc phạm vi, thẩm quyền quản lý, đặt hàng của địa phương.

b) Giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác đối với công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước thuộc phạm vi, thẩm quyền quản lý của địa phương.

c) Khung giá rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất thuộc sở hữu toàn dân thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

d) Giá cụ thể nước sạch tại khu vực nông thôn.

3. Sở Xây dựng chủ trì thẩm định phương án giá:

a) Giá cụ thể nước sạch tại khu vực đô thị.

b) Giá cụ thể dịch vụ nghĩa trang, dịch vụ hỏa táng của cơ sở hỏa táng được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước.

c) Giá cụ thể dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải (trừ giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải đối khu công nghiệp, cụm công nghiệp được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước).

d) Giá cụ thể dịch vụ thuê công trình hạ tầng kỹ thuật dùng chung đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước.

4. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì thẩm định phương án giá:

a) Giá cụ thể dịch vụ đo đạc, lập bản đồ địa chính trong trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất mới hoặc cho phép thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng đất ở những nơi chưa có bản đồ địa chính có tọa độ.

b) Giá tối đa dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt áp dụng đối với chủ đầu tư, cơ sở thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt.

c) Giá cụ thể dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt đối với cơ quan, tổ chức, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp, hộ gia đình, cá nhân.

5. Sở Y tế chủ trì thẩm định phương án giá:

a) Giá cụ thể dịch vụ kiểm dịch y tế, y tế dự phòng tại cơ sở y tế công lập.

b) Giá cụ thể dịch vụ điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện tại các đơn vị sự nghiệp công lập.

6. Sở Công Thương chủ trì thẩm định phương án giá cụ thể dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ được đầu tư từ nguồn vốn nhà nước.

7. Sở Tư pháp chủ trì thẩm định phương án giá tối đa dịch vụ theo yêu cầu liên quan đến việc công chứng.

8. Cơ quan chuyên môn quản lý ngành, lĩnh vực cấp tỉnh chủ trì thẩm định phương án: giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công (dịch vụ sự nghiệp công và sản phẩm, dịch vụ công ích) trong danh mục được cấp có thẩm quyền ban hành, sử dụng ngân sách nhà nước và thuộc thẩm quyền đặt hàng của cơ quan, tổ chức ở địa phương; giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước tính giá theo lộ trình thu của người sử dụng dịch vụ.

9. Tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ có trách nhiệm lập phương án giá hàng hóa, dịch vụ theo quy định; có trách nhiệm giải trình về

phương án giá trong trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền tại Điều này yêu cầu giải trình và chịu trách nhiệm về phương án giá do mình lập.

10. Cơ quan chuyên môn thẩm định phương án giá hàng hóa, dịch vụ khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành hoặc theo phân công Ủy ban nhân dân Tỉnh.

11. Sở, ngành chuyên môn quy định tại Điều này chịu trách nhiệm kiểm tra tính đầy đủ của thành phần hồ sơ phương án giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc phạm vi thẩm định do cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân lập phương án giá gửi; thực hiện thẩm định đúng thẩm quyền, nguyên tắc, căn cứ, phương pháp định giá và thời gian thẩm định theo quy định; phối hợp, lấy ý kiến cơ quan có liên quan trong quá trình thẩm định (nếu cần); chịu trách nhiệm về mức giá đề xuất bảo đảm nguyên tắc, căn cứ, phương pháp định giá. Gửi Sở Tài chính có ý kiến thẩm định trước khi trình Ủy ban nhân dân Tỉnh xem xét, định giá.

Điều 6. Điều chỉnh danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá

Trường hợp cần điều chỉnh danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá:

1. Cơ quan quy định tại Điều 5 Quy định này tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân Tỉnh thực hiện trình tự, thủ tục đề nghị đưa hàng hóa, dịch vụ ra khỏi danh mục hàng hóa, dịch vụ do nhà nước định giá.

2. Cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực đối với hàng hóa, dịch vụ hoặc được Ủy ban nhân dân Tỉnh phân công nhiệm vụ, tham mưu Ủy ban nhân dân Tỉnh thực hiện trình tự, thủ tục đề nghị bổ sung vào danh mục hàng hóa, dịch vụ do nhà nước định giá.

Điều 7. Danh mục kê khai giá

1. Hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá thực hiện trên phạm vi cả nước theo quy định tại Mục A Phụ lục V Nghị định số 85/2024/NĐ-CP.

2. Hàng hóa, dịch vụ đặc thù thực hiện kê khai giá tại địa phương:

- a) Dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước;
- b) Dịch vụ vận tải hành khách bằng taxi;
- c) Cát san lấp, cát xây dựng.

Điều 8. Phân công cơ quan tiếp nhận kê khai giá

1. Cơ quan tham mưu Ủy ban nhân dân Tỉnh về công tác bình ổn giá trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp quy định tại Điều 3 Quy định này tiếp nhận kê khai giá đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại khoản I Mục A Phụ lục V Nghị định số 85/2024/NĐ-CP.

2. Cơ quan chuyên môn thẩm định phương án giá đối với hàng hoá, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của Ủy ban nhân dân Tỉnh quy định tại Điều 5 Quy định này tiếp nhận kê khai giá đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại khoản II Mục A Phụ lục V Nghị định số 85/2024/NĐ-CP.

3. Sở Xây dựng tiếp nhận kê khai giá đối với xi măng; nhà ở, nhà chung cư; công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung đầu tư ngoài nguồn ngân sách nhà nước (giá thuê) quy định tại khoản IV Mục A Phụ lục V Nghị định số 85/2024/NĐ-CP; cát san lấp, cát xây dựng.

4. Sở Công Thương tiếp nhận kê khai giá đối với than; Etanol nhiên liệu không biến tính; khí tự nhiên hóa lỏng (LNG); khí thiên nhiên nén (CNG), thép xây dựng quy định tại khoản IV Mục A Phụ lục V Nghị định số 85/2024/NĐ-CP.

5. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiếp nhận kê khai giá đối với thuốc thú y để tiêu độc, sát trùng, tẩy trùng, trị bệnh cho gia súc, gia cầm và thủy sản; đường ăn bao gồm đường trắng và đường tinh luyện; muối ăn quy định tại khoản IV Mục A Phụ lục V Nghị định số 85/2024/NĐ-CP.

6. Sở Giao thông vận tải tiếp nhận kê khai giá đối với dịch vụ tại cảng biển khác ngoài hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá; dịch vụ vận tải hành khách tuyến cố định bằng đường bộ của các tổ chức sản xuất, kinh doanh quy định tại khoản IV Mục A Phụ lục V Nghị định số 85/2024/NĐ-CP; dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước; dịch vụ vận tải hành khách bằng taxi.

7. Sở Y tế tiếp nhận kê khai giá đối với thực phẩm chức năng cho trẻ em dưới 06 tuổi; thiết bị y tế; dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước; dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh cho người tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân của các tổ chức sản xuất, kinh doanh quy định khoản IV Mục A Phụ lục V Nghị định số 85/2024/NĐ-CP.

8. Hàng hóa, dịch vụ mà pháp luật chuyên ngành có quy định về kê khai giá thì thực hiện theo quy định của pháp luật đó.

Điều 9. Điều chỉnh danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá; ban hành danh sách tổ chức kinh doanh thực hiện kê khai giá

1. Trường hợp cần điều chỉnh danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá:

a) Cơ quan quy định tại Điều 8 Quy định này tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân Tỉnh thực hiện trình tự, thủ tục đề nghị đưa hàng hóa, dịch vụ ra khỏi danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá.

b) Cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực đối với hàng hóa, dịch vụ hoặc được Ủy ban nhân dân Tỉnh phân công nhiệm vụ, tham mưu Ủy ban nhân dân Tỉnh thực hiện trình tự, thủ tục đề nghị bổ sung vào danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá.

2. Định kỳ trước ngày 01 tháng 01 hằng năm, căn cứ theo yêu cầu công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và công tác quản lý nhà nước về giá tại địa phương, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực hàng hóa, dịch vụ kê khai giá tại Điều 8 Quy định này lựa chọn, đề xuất điều chỉnh Danh sách tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá gửi Sở Tài chính để tổng hợp, tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành theo quy định.

Điều 10. Kiểm tra yếu tố hình thành giá

1. Cơ quan chuyên môn quy định tại Điều 3 Quy định này tổ chức thực hiện kiểm tra yếu tố hình thành giá đối với hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá trong trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 31 Luật Giá 2023.

2. Cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực đối với hàng hóa, dịch vụ hoặc được Ủy ban nhân dân Tỉnh phân công nhiệm vụ tổ chức thực hiện kiểm tra yếu tố hình thành giá đối với hàng hóa, dịch vụ khác trong trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 31 Luật Giá 2023.

Điều 11. Trách nhiệm cơ quan chuyên môn rà soát, đề xuất đặc điểm kinh tế - kỹ thuật hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá; kê khai giá

1. Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá, danh mục thực hiện kê khai giá trên phạm vi cả nước thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan; trường hợp chưa có quy định thì thực hiện theo khoản 2, 3, 4 Điều này.

2. Cơ quan chuyên môn quy định tại Điều 5 Quy định này đề xuất quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật (tên gọi chi tiết, chủng loại cụ thể hoặc đặc điểm cơ bản của hàng hóa, dịch vụ) trên cơ sở tên gọi chung của hàng hóa, dịch vụ trong Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá được giao quản lý (ngoại trừ sản phẩm dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước thực hiện theo phương thức đặt hàng, hàng dự trữ quốc gia và các hàng hóa, dịch vụ đã có quy định về đặc điểm kinh tế - kỹ thuật tại pháp luật có liên quan).

3. Cơ quan chuyên môn quy định tại Điều 8 Quy định này đề xuất quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá được giao tiếp nhận, phù hợp với yêu cầu quản lý nhà nước về giá tại địa phương.

4. Cơ quan quy định tại khoản 2, 3 Điều này gửi đề xuất quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật về Sở Tài chính để tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân Tỉnh ban hành văn bản quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá; đặc điểm kinh tế - kỹ thuật hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá.

Điều 12. Quản lý cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương

1. Sở Tài chính có trách nhiệm tổ chức việc quản trị, điều hành hệ thống cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương; tham mưu Ủy ban nhân dân Tỉnh ban hành Quy chế vận hành phần mềm dữ liệu giá tại địa phương.

2. Các sở, ngành Tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm cập nhật thông tin, dữ liệu theo lĩnh vực ngành được phân công vào cơ sở dữ liệu giá theo quy định tại Điều 25 Nghị Định số 85/2024/NĐ-CP; thực hiện chức năng, nhiệm vụ được tại quy chế vận hành phần mềm dữ liệu giá tại địa phương.

Điều 13. Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá

1. Các sở, ngành Tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực

thuộc, các tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc lĩnh vực, phạm vi quản lý nhà nước về giá của sở, ngành, địa phương theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Quy định này và theo quy định của pháp luật có liên quan.

2. Sở Tài chính kiểm tra việc thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá của các sở quản lý ngành, lĩnh vực và Ủy ban nhân dân cấp huyện được Ủy ban nhân dân Tỉnh phân công tại Quy định này; phối hợp cơ quan quy định tại khoản 1 Điều này kiểm tra trong trường hợp cần thiết hoặc theo chỉ đạo của cấp thẩm quyền.

3. Trình tự, thủ tục kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá thực hiện theo quy định tại Thông tư số 28/2024/TT-BTC.

Điều 14. Tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường

1. Các Sở, ngành theo phân công tại khoản 2 Điều này phối hợp thực hiện nhiệm vụ tổng hợp, dự báo giá thị trường đối với danh mục hàng hóa, dịch vụ quy định tại Phụ lục II Thông tư số 29/2024/TT-BTC hoặc hàng hóa, dịch vụ khác khi có yêu cầu báo cáo đột xuất, gửi về Sở Tài chính trước ngày 20 hằng tháng đối với báo cáo định kỳ; theo đúng thời hạn được giao đối với báo cáo đột xuất để tổng hợp, xây dựng báo cáo giá thị trường.

2. Cơ quan tổng hợp, dự báo giá thị trường:

a) Sở Công Thương: khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG).

b) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: nhóm lương thực, thực phẩm, nhóm vật tư nông nghiệp.

c) Sở Xây dựng: nhóm vật liệu xây dựng.

d) Sở Y tế: nhóm dịch vụ y tế.

đ) Sở Giao thông vận tải: nhóm dịch vụ giao thông.

e) Sở Giáo dục và Đào tạo: nhóm dịch vụ giáo dục.

g) Sở, ngành quản lý ngành, lĩnh vực đối với hàng hóa, dịch vụ khác khi có yêu cầu báo cáo đột xuất.

3. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố thực hiện nhiệm vụ tổng hợp, dự báo giá thị trường đối với danh mục hàng hóa, dịch vụ quy định tại Phụ lục II Thông tư số 29/2024/TT-BTC thuộc địa bàn gửi về các ngành chuyên môn tại khoản 2 Điều này trước ngày 15 hằng tháng đối với báo cáo định kỳ; theo đúng thời hạn được giao đối với báo cáo đột xuất; đồng gửi về Sở Tài chính để theo dõi, tổng hợp.

4. Sở Tài chính tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và xây dựng báo cáo giá thị trường trên địa bàn tỉnh trình Ủy ban nhân dân Tỉnh trước ngày 25 hằng tháng đối với báo cáo định kỳ; theo đúng thời hạn được giao đối với báo cáo đột xuất để xem xét đề báo cáo Chính phủ, Bộ Tài chính.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 15. Trách nhiệm của sở, ngành Tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện trong quản lý nhà nước về giá

1. Sở, ngành Tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách quản lý nhà nước trong lĩnh vực giá, biện pháp bình ổn giá và văn bản của Trung ương và Ủy ban nhân dân Tỉnh ban hành.

2. Kiểm tra việc chấp hành pháp luật và xử lý vi phạm pháp luật về giá, thẩm định giá theo chức năng, lĩnh vực đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc phạm vi, địa bàn quản lý.

3. Giải quyết khiếu nại, tố cáo về giá, thẩm định giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc phạm vi, địa bàn quản lý theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

4. Căn cứ tình hình thực tế tại địa phương trong từng giai đoạn, tham mưu Ủy ban nhân dân Tỉnh quyết định xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch để triển khai các giải pháp phù hợp nhằm ổn định mặt bằng giá thị trường đối với hàng hóa, dịch vụ được giao quản lý.

5. Nhiệm vụ, quyền hạn khác về quản lý nhà nước về giá theo quy định của Luật Giá năm 2023, quy định khác của pháp luật có liên quan và phân công của Ủy ban nhân dân Tỉnh.

Điều 16. Tổ chức thực hiện

Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các ngành có liên quan tổ chức triển khai và theo dõi việc thực hiện Quy định này.

Trong quá trình thực hiện có phát sinh khó khăn, vướng mắc, đề nghị sở, ngành chuyên môn, các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân Tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung Quy định này cho phù hợp với tình hình thực tế./.